SỞ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Số: 221/NY - TTDVĐGTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 12 tháng 11 năm 2026

NIÊM YẾT VIỆC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tầng 2, tòa số 1, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

2. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Số 36, đường Võ Nguyên Giáp, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

3. Tài sản đấu giá, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

3.1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất của 60 thửa đất ở nông thôn tại xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

Stt	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Ghi chú
1	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	597	126,0	126.000.000	63.000.000	
2	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	598	126,0	126.000.000	63.000.000	
3	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	599	126,0	126.000.000	63.000.000	
4	Đường Võ Nguyên Giáp	14	603	126,0	316.512.000	63.000.000	
5	Đường Võ Nguyên Giáp	14	604	126,0	316.512.000	63.000.000	
6	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	605	126,0	126.000.000	63.000.000	
7	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	606	126,0	126.000.000	63.000.000	
8	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	607	126,0	126.000.000	63.000.000	

9	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	608	126,0	126.000.000	63.000.000	
10	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	609	126,0	126.000.000	63.000.000	
11	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	610	126,0	126.000.000	63.000.000	
12	Đường Võ Nguyên Giáp	14	611	126,0	316.512.000	63.000.000	
13	Đường Võ Nguyên Giáp	14	612	126,0	316.512.000	63.000.000	
14	Đường Võ Nguyên Giáp	14	613	126,0	316.512.000	63.000.000	
15	Đường Võ Nguyên Giáp	14	614	126,0	316.512.000	63.000.000	
16	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	617	126,0	126.000.000	63.000.000	
17	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	618	126,0	126.000.000	63.000.000	
18	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	620	126,0	126.000.000	63.000.000	
19	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	621	126,0	126.000.000	63.000.000	
20	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	627	222,3	266.760.000	63.000.000	2 mặt tiền
21	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	631	199,7	239.640.000	63.000.000	2 mặt tiền
22	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	634	126,0	126.000.000	63.000.000	
23	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	635	126,0	126.000.000	63.000.000	
24	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	636	126,0	126.000.000	63.000.000	

25	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	644	126,0	126.000.000	63.000.000	
26	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	647	126,0	126.000.000	63.000.000	
27	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	648	126,0	126.000.000	63.000.000	
28	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	666	126,0	126.000.000	63.000.000	
29	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	667	126,0	126.000.000	63.000.000	
30	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	407	232,2	278.640.000	63.000.000	2 mặt tiền
31	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	408	126,0	126.000.000	63.000.000	
32	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	409	126,0	126.000.000	63.000.000	
33	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	410	126,0	126.000.000	63.000.000	
34	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	411	126,0	126.000.000	63.000.000	
35	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	412	126,0	126.000.000	63.000.000	
36	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	413	126,0	126.000.000	63.000.000	
37	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	414	126,0	126.000.000	63.000.000	
38	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	415	126,0	126.000.000	63.000.000	
39	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	416	126,0	126.000.000	63.000.000	
40	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	417	126,0	126.000.000	63.000.000	

41	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	418	126,0	126.000.000	63.000.000	
42	Đường Võ Nguyên Giáp	8	419	126,0	316.512.000	63.000.000	
43	Đường Võ Nguyên Giáp	8	420	126,0	316.512.000	63.000.000	
44	Đường Võ Nguyên Giáp	8	421	126,0	316.512.000	63.000.000	
45	Đường Võ Nguyên Giáp	8	422	126,0	316.512.000	63.000.000	
46	Đường Võ Nguyên Giáp	8	423	190,2	573.339.000	63.000.000	2 mặt tiền
47	Đường Võ Nguyên Giáp	8	424	126,0	316.512.000	63.000.000	
48	Đường Võ Nguyên Giáp	8	425	126,0	316.512.000	63.000.000	
49	Đường Võ Nguyên Giáp	8	426	126,0	316.512.000	63.000.000	
50	Đường Võ Nguyên Giáp	8	427	126,0	316.512.000	63.000.000	
51	Đường Võ Nguyên Giáp	8	428	126,0	316.512.000	63.000.000	
52	Đường Võ Nguyên Giáp	8	429	126,0	316.512.000	63.000.000	
53	Đường Võ Nguyên Giáp	8	430	126,0	316.512.000	63.000.000	
54	Đường Võ Nguyên Giáp	8	431	126,0	316.512.000	63.000.000	
55	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	432	126,0	126.000.000	63.000.000	
56	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	433	126,0	126.000.000	63.000.000	

57	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	434	126,0	126.000.000	63.000.000	
58	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	8	435	124,8	149.760.000	63.000.000	2 mặt tiền
59	Đường Võ Nguyên Giáp	8	436	126,0	316.512.000	63.000.000	
60	Đường Võ Nguyên Giáp	8	437	238,3	718.332.000	250.000.000	2 mặt tiền
	Tổng cộng:			**8.011,5**	**12.650.199.000**		

3.2. Nơi có tài sản đấu giá: xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu

3.3. Số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

- Số lượng: 60 thửa
- Chất lượng: Đủ điều kiện tiến hành đấu giá

3.4. Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng:

- Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 đối với 94 thửa đất ở tại nông thôn tại xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 21/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 của UBND xã Bum Tở;

- Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 22/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 29/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 60 thửa đất ở nông thôn xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu;

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

4.1. Thời gian: Từ ngày 12/11/2026 đến ngày 16/11/2026 *(trong giờ hành chính các ngày làm việc)*

4.2. Địa điểm: xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu.

(Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu tổ chức cho người tham gia đấu giá xem tài sản).

5. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

5.1. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- Thời gian: Từ 07 giờ 30 phút ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 25/11/2026 *(trong giờ hành chính các ngày làm việc).*

- Địa điểm 1: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 01, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Địa điểm 2: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bum Tở - Đ/c: xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu (Liên hệ đồng chí Nguyễn Thị Hà - SĐT: 0946 830 406).

5.2. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (nộp hồ sơ):

- Thời gian: Từ 07 giờ 30 phút ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 25/11/2026 *(trong giờ hành chính các ngày làm việc).*

- Địa điểm 1: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 01, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Địa điểm 2: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bum Tở - Đ/c: xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu (Liên hệ đồng chí Nguyễn Thị Hà - SĐT: 0946 830 406).

6. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: Ghi tại mục 3, Niêm yết này.

7. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

7.1. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000đ/hs *(Một trăm nghìn đồng)*

7.2. Khoản tiền đặt trước: Ghi tại mục 3.1, Niêm yết này.

- Người tham gia đấu giá phải nộp đúng, đủ số tiền đặt trước tương ứng với thửa đất đăng ký tham gia đấu giá. Trường hợp không nộp hoặc nộp không đủ số tiền đặt trước tương ứng với thửa đất đã đăng ký tham gia đấu giá thì hồ sơ đăng ký tham gia được coi là không hợp lệ và người đăng ký không được tham gia đấu giá đối với thửa đất đó.

7.3. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 12/11/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 25/11/2026.

7.4. Hình thức nộp: Người tham gia đấu giá nộp tiền vào tài khoản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Số tài khoản: 119 0000 65176 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu.

** Nội dung nộp tiền: (Họ tên người tham gia đấu giá) nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá ..... (Số lượng 01 hoặc 02 hoặc 03 hoặc ... hoặc 60 thửa) thửa theo Thông báo số 221/TB-TTĐGTS ngày 12/11/2026.*

8. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

8.1. Đối tượng, điều kiện đăng ký tham gia đấu giá:

* Đối tượng được tham gia đấu giá:

Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 (cá nhân được giao đất ở: cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam) có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp hành tốt pháp luật đất đai và phương án đấu giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

* Điều kiện tham gia đấu giá: Cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Thuộc đối tượng được giao đất theo quy định.

- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu, sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khi trúng đấu giá, hoàn thiện đầy đủ các thủ tục về hồ sơ và nộp tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá trong thời hạn quy định; bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

- Không thuộc các đối tượng không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

8.2. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân đủ điều kiện (đã mua hồ sơ, đã nộp tiền đặt trước) trực tiếp đăng ký tham gia đấu giá tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bum Tở *(Đ/c: xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu)*; Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu *(Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 01 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu).*

9. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá.

9.1. Thời gian: Bắt đầu từ 09 giờ 00 phút ngày 30 tháng 11 năm 2026.

9.2. Địa điểm: Nhà Văn hoá thôn 12, xã Bum Tở tỉnh Lai Châu.

10. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.

10.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại phiên đấu giá.

10.2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên, thời gian trả giá giữa các lần trả giá tối đa 02 phút

11. Bước giá, giá trả hợp lệ và giá trả không hợp lệ:

11.1. Bước giá

- Đối với 06 thửa đất số: 627, 631 (thuộc Tờ bản đồ số 14) và 407, 423, 435, 437 (thuộc Tờ bản đồ số 8) bước giá cố định là: 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* áp dụng đối với lần trả giá đầu tiên và lần trả giá thứ hai. Từ lần trả giá thứ 3 trở đi bước giá tối thiểu là: 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).*

- Đối với 19 thửa đất số: 603, 604, 611, 612, 613, 614 (thuộc Tờ bản đồ số 14) và 419, 420, 421, 422, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 436 (thuộc Tờ bản đồ số 8) bước giá cố định là: 75.000.000 đồng *(Bảy mươi năm triệu đồng)* áp dụng đối với lần trả giá đầu tiên và lần trả giá thứ hai. Từ lần trả giá thứ 3 trở đi bước giá tối thiểu là: 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*.

- Đối với 35 thửa đất số: 597, 598, 599, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 617, 618, 620, 621, 634, 635, 636, 644, 647, 648, 666, 667 (thuộc Tờ bản đồ số 14) và 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 432, 433, 434 (thuộc Tờ bản đồ số 8) bước giá cố định là: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* áp dụng đối với lần trả giá đầu tiên và lần trả giá thứ hai. Từ lần trả giá thứ 3 trở đi bước giá tối thiểu là: 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*..

Lưu ý:

+ Bước giá cố định là khoảng chênh lệch cố định giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm và lần trả giá thứ hai so với lần trả giá thứ nhất.

+ Bước giá tối thiểu là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

11.2. Giá trả hợp lệ:

- Đối với 06 thửa đất số: 627, 631 (thuộc Tờ bản đồ số 14) và 407, 423, 435, 437 (thuộc Tờ bản đồ số 8): Giá trả của người trả giá đầu tiên phải cao hơn giá khởi điểm là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*, giá trả của người (lần) trả giá thứ hai phải cao hơn giá trả của người thứ nhất là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*, giá trả của người trả giá thứ ba trở đi phải cao hơn giá trả của người trả giá trước liền kề ít nhất là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Đối với 19 thửa đất số: 603, 604, 611, 612, 613, 614 (thuộc Tờ bản đồ số 14) và 419, 420, 421, 422, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 436 (thuộc Tờ bản đồ số 8): Giá trả của người trả giá đầu tiên phải cao hơn giá khởi điểm là 75.000.000 đồng *(Bảy mươi năm triệu đồng)*, giá trả của người (lần) trả giá thứ

hai phải cao hơn giá trả của người thứ nhất là 75.000.000 đồng *(Bảy mươi năm triệu đồng)*, giá trả của người trả giá thứ ba trở đi phải cao hơn giá trả của người trả giá trước liền kề ít nhất là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Đối với 35 thửa đất số: 597, 598, 599, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 617, 618, 620, 621, 634, 635, 636, 644, 647, 648, 666, 667 (thuộc Tờ bản đồ số 14) và 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 432, 433, 434 (thuộc Tờ bản đồ số 8): Giá trả của người trả giá đầu tiên phải cao hơn giá khởi điểm là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, giá trả của người (lần) trả giá thứ hai phải cao hơn giá trả của người thứ nhất là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, giá trả của người (lần) trả giá thứ ba trở đi phải cao hơn giá trả của người trả giá trước liền kề ít nhất là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

11.3. Giá trả không hợp lệ: Là giá trả trái với quy định của giá trả hợp lệ.

Mọi chi tiết xin liên hệ trực tiếp tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu, ĐT 0213 3792 258 ./.

Nơi nhận;
- Niêm yết tại:
+ Trung tâm PTQĐ tỉnh Lai Châu;
+ TTDVĐGTS tỉnh Lai Châu;
+ Nhà Văn hoá thôn 12, xã Bum Tở tỉnh Lai Châu (nơi tổ chức phiên đấu giá);
+ UBND xã Bum Tở;
- Lưu HS, CQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hà